



PEMERINTAH KABUPATEN BENGULU
DINAS PENDIDIKAN DAN KEBUDAYAAN
Jalan Pengantar Bontomatene-Bontolungga Tugu No.174711001
MELAKA BENGULU

BUKUT BENCAMERANG PEMERINTAHAN LAIN ORGANSISAL SEKOLAH
Nomor: 421/PA/K/Orbu/2022

Jenis Dokumen

1. Undang-undang Nomor 20 Tahun 2003 Tentang Sistem Pendidikan Nasional
2. Peraturan Pemerintah Nomor 17 Tahun 2007 Standar Nasional Pendidikan sebagaimana telah diubah dengan Peraturan Pemerintah Nomor 4 Tahun 2013 Tentang Perubahan atas Peraturan Pemerintah Nomor 17 Tahun 2007 Tentang Standar Pendidikan Nasional
3. Peraturan Pemerintah Nomor 17 Tahun 2010 tentang Pengelolaan dan Penyelenggaraan Pendidikan sebagaimana telah diubah dengan Peraturan Pemerintah Nomor 61 Tahun 2010 tentang Perubahan atas Peraturan Pemerintah Nomor 17 Tahun 2010 tentang Pengelolaan dan Penyelenggaraan Pendidikan
4. Peraturan Menteri Pendidikan dan Kebudayaan Nomor 26 Tahun 2018 tentang Pedoman Penilaian, Penilaian, dan Penilaian Tahunan Pendidikan Dasar dan Menengah
5. Peraturan Pemerintah Nomor 21 Tahun 1991 tentang Pendidikan Tinggi Pendidikan dan Pendidikan Nasional
6. Peraturan Surat Keputusan Pembinaan dan Organisasi Sekolah dan Sekolah Pendidikan

Halaman ini berisi kumpulan dokumen-dokumen yang berkaitan dengan standar nasional dan kurikulum yang ditetapkan oleh pemerintah pusat.

Dokumen Surat Keputusan Pembinaan dan Organisasi Sekolah ini berisi kumpulan untuk membantu sebagai media belajar.

Bengkulu, 24 Agustus 2022

di Bengkulu



Italy National Football Federation (NFI) - Approved Model of Information Sheet (May 2022)

No.	Model	Approved Document	Model	Document
1	Model 1	Model 1	Model 1	Model 1
2	Model 2	Model 2	Model 2	Model 2
3	Model 3	Model 3	Model 3	Model 3
4	Model 4	Model 4	Model 4	Model 4
5	Model 5	Model 5	Model 5	Model 5
6	Model 6	Model 6	Model 6	Model 6
7	Model 7	Model 7	Model 7	Model 7
8	Model 8	Model 8	Model 8	Model 8
9	Model 9	Model 9	Model 9	Model 9
10	Model 10	Model 10	Model 10	Model 10
11	Model 11	Model 11	Model 11	Model 11
12	Model 12	Model 12	Model 12	Model 12
13	Model 13	Model 13	Model 13	Model 13
14	Model 14	Model 14	Model 14	Model 14
15	Model 15	Model 15	Model 15	Model 15
16	Model 16	Model 16	Model 16	Model 16
17	Model 17	Model 17	Model 17	Model 17
18	Model 18	Model 18	Model 18	Model 18
19	Model 19	Model 19	Model 19	Model 19
20	Model 20	Model 20	Model 20	Model 20
21	Model 21	Model 21	Model 21	Model 21
22	Model 22	Model 22	Model 22	Model 22
23	Model 23	Model 23	Model 23	Model 23
24	Model 24	Model 24	Model 24	Model 24
25	Model 25	Model 25	Model 25	Model 25
26	Model 26	Model 26	Model 26	Model 26
27	Model 27	Model 27	Model 27	Model 27
28	Model 28	Model 28	Model 28	Model 28
29	Model 29	Model 29	Model 29	Model 29
30	Model 30	Model 30	Model 30	Model 30
31	Model 31	Model 31	Model 31	Model 31
32	Model 32	Model 32	Model 32	Model 32
33	Model 33	Model 33	Model 33	Model 33
34	Model 34	Model 34	Model 34	Model 34
35	Model 35	Model 35	Model 35	Model 35
36	Model 36	Model 36	Model 36	Model 36
37	Model 37	Model 37	Model 37	Model 37
38	Model 38	Model 38	Model 38	Model 38
39	Model 39	Model 39	Model 39	Model 39
40	Model 40	Model 40	Model 40	Model 40
41	Model 41	Model 41	Model 41	Model 41
42	Model 42	Model 42	Model 42	Model 42
43	Model 43	Model 43	Model 43	Model 43
44	Model 44	Model 44	Model 44	Model 44
45	Model 45	Model 45	Model 45	Model 45
46	Model 46	Model 46	Model 46	Model 46
47	Model 47	Model 47	Model 47	Model 47
48	Model 48	Model 48	Model 48	Model 48
49	Model 49	Model 49	Model 49	Model 49
50	Model 50	Model 50	Model 50	Model 50
51	Model 51	Model 51	Model 51	Model 51
52	Model 52	Model 52	Model 52	Model 52
53	Model 53	Model 53	Model 53	Model 53
54	Model 54	Model 54	Model 54	Model 54
55	Model 55	Model 55	Model 55	Model 55
56	Model 56	Model 56	Model 56	Model 56
57	Model 57	Model 57	Model 57	Model 57
58	Model 58	Model 58	Model 58	Model 58
59	Model 59	Model 59	Model 59	Model 59
60	Model 60	Model 60	Model 60	Model 60
61	Model 61	Model 61	Model 61	Model 61
62	Model 62	Model 62	Model 62	Model 62
63	Model 63	Model 63	Model 63	Model 63
64	Model 64	Model 64	Model 64	Model 64
65	Model 65	Model 65	Model 65	Model 65
66	Model 66	Model 66	Model 66	Model 66
67	Model 67	Model 67	Model 67	Model 67
68	Model 68	Model 68	Model 68	Model 68
69	Model 69	Model 69	Model 69	Model 69
70	Model 70	Model 70	Model 70	Model 70
71	Model 71	Model 71	Model 71	Model 71
72	Model 72	Model 72	Model 72	Model 72
73	Model 73	Model 73	Model 73	Model 73
74	Model 74	Model 74	Model 74	Model 74
75	Model 75	Model 75	Model 75	Model 75
76	Model 76	Model 76	Model 76	Model 76
77	Model 77	Model 77	Model 77	Model 77
78	Model 78	Model 78	Model 78	Model 78
79	Model 79	Model 79	Model 79	Model 79
80	Model 80	Model 80	Model 80	Model 80
81	Model 81	Model 81	Model 81	Model 81
82	Model 82	Model 82	Model 82	Model 82
83	Model 83	Model 83	Model 83	Model 83
84	Model 84	Model 84	Model 84	Model 84
85	Model 85	Model 85	Model 85	Model 85
86	Model 86	Model 86	Model 86	Model 86
87	Model 87	Model 87	Model 87	Model 87
88	Model 88	Model 88	Model 88	Model 88
89	Model 89	Model 89	Model 89	Model 89
90	Model 90	Model 90	Model 90	Model 90
91	Model 91	Model 91	Model 91	Model 91
92	Model 92	Model 92	Model 92	Model 92
93	Model 93	Model 93	Model 93	Model 93
94	Model 94	Model 94	Model 94	Model 94
95	Model 95	Model 95	Model 95	Model 95
96	Model 96	Model 96	Model 96	Model 96
97	Model 97	Model 97	Model 97	Model 97
98	Model 98	Model 98	Model 98	Model 98
99	Model 99	Model 99	Model 99	Model 99
100	Model 100	Model 100	Model 100	Model 100

No	STT	Hạng (chức vụ) Nhân viên	Đơn vị	Quyền hạn
1	000001	Trưởng phòng Kế toán	Phòng Kế toán	Quyền hạn Kế toán
2	000002	Trưởng phòng Marketing	Phòng Marketing	Quyền hạn Marketing
3	000003	Trưởng phòng Nhân sự	Phòng Nhân sự	Quyền hạn Nhân sự
4	000004	Trưởng phòng Kinh doanh	Phòng Kinh doanh	Quyền hạn Kinh doanh
5	000005	Trưởng phòng Kỹ thuật	Phòng Kỹ thuật	Quyền hạn Kỹ thuật
6	000006	Trưởng phòng Tài chính	Phòng Tài chính	Quyền hạn Tài chính
7	000007	Trưởng phòng Pháp chế	Phòng Pháp chế	Quyền hạn Pháp chế
8	000008	Trưởng phòng Công nghệ	Phòng Công nghệ	Quyền hạn Công nghệ
9	000009	Trưởng phòng Quản lý chất lượng	Phòng Quản lý chất lượng	Quyền hạn Quản lý chất lượng
10	000010	Trưởng phòng Bảo vệ	Phòng Bảo vệ	Quyền hạn Bảo vệ
11	000011	Trưởng phòng Hành chính	Phòng Hành chính	Quyền hạn Hành chính
12	000012	Trưởng phòng Kế toán thuế	Phòng Kế toán thuế	Quyền hạn Kế toán thuế
13	000013	Trưởng phòng Marketing online	Phòng Marketing online	Quyền hạn Marketing online
14	000014	Trưởng phòng Tuyển dụng	Phòng Tuyển dụng	Quyền hạn Tuyển dụng
15	000015	Trưởng phòng Kinh doanh online	Phòng Kinh doanh online	Quyền hạn Kinh doanh online
16	000016	Trưởng phòng Kỹ thuật phần mềm	Phòng Kỹ thuật phần mềm	Quyền hạn Kỹ thuật phần mềm
17	000017	Trưởng phòng Quản lý dự án	Phòng Quản lý dự án	Quyền hạn Quản lý dự án
18	000018	Trưởng phòng Bảo trì	Phòng Bảo trì	Quyền hạn Bảo trì
19	000019	Trưởng phòng Kiểm soát chất lượng	Phòng Kiểm soát chất lượng	Quyền hạn Kiểm soát chất lượng
20	000020	Trưởng phòng Quản lý rủi ro	Phòng Quản lý rủi ro	Quyền hạn Quản lý rủi ro
21	000021	Trưởng phòng Nghiên cứu & Phát triển	Phòng Nghiên cứu & Phát triển	Quyền hạn Nghiên cứu & Phát triển
22	000022	Trưởng phòng Đào tạo	Phòng Đào tạo	Quyền hạn Đào tạo
23	000023	Trưởng phòng Tiếp thị	Phòng Tiếp thị	Quyền hạn Tiếp thị
24	000024	Trưởng phòng Logistics	Phòng Logistics	Quyền hạn Logistics
25	000025	Trưởng phòng Quản lý chuỗi cung ứng	Phòng Quản lý chuỗi cung ứng	Quyền hạn Quản lý chuỗi cung ứng
26	000026	Trưởng phòng Kinh doanh quốc tế	Phòng Kinh doanh quốc tế	Quyền hạn Kinh doanh quốc tế
27	000027	Trưởng phòng Kỹ thuật phần cứng	Phòng Kỹ thuật phần cứng	Quyền hạn Kỹ thuật phần cứng
28	000028	Trưởng phòng Quản lý tài sản	Phòng Quản lý tài sản	Quyền hạn Quản lý tài sản
29	000029	Trưởng phòng Quản lý môi trường	Phòng Quản lý môi trường	Quyền hạn Quản lý môi trường
30	000030	Trưởng phòng Quản lý an ninh	Phòng Quản lý an ninh	Quyền hạn Quản lý an ninh
31	000031	Trưởng phòng Quản lý thông tin	Phòng Quản lý thông tin	Quyền hạn Quản lý thông tin
32	000032	Trưởng phòng Quản lý vận hành	Phòng Quản lý vận hành	Quyền hạn Quản lý vận hành
33	000033	Trưởng phòng Quản lý khách hàng	Phòng Quản lý khách hàng	Quyền hạn Quản lý khách hàng
34	000034	Trưởng phòng Quản lý tài chính quốc tế	Phòng Quản lý tài chính quốc tế	Quyền hạn Quản lý tài chính quốc tế
35	000035	Trưởng phòng Quản lý pháp chế quốc tế	Phòng Quản lý pháp chế quốc tế	Quyền hạn Quản lý pháp chế quốc tế
36	000036	Trưởng phòng Quản lý công nghệ mới	Phòng Quản lý công nghệ mới	Quyền hạn Quản lý công nghệ mới
37	000037	Trưởng phòng Quản lý dự án quốc tế	Phòng Quản lý dự án quốc tế	Quyền hạn Quản lý dự án quốc tế
38	000038	Trưởng phòng Quản lý bảo trì quốc tế	Phòng Quản lý bảo trì quốc tế	Quyền hạn Quản lý bảo trì quốc tế
39	000039	Trưởng phòng Quản lý kiểm soát chất lượng quốc tế	Phòng Quản lý kiểm soát chất lượng quốc tế	Quyền hạn Quản lý kiểm soát chất lượng quốc tế
40	000040	Trưởng phòng Quản lý rủi ro quốc tế	Phòng Quản lý rủi ro quốc tế	Quyền hạn Quản lý rủi ro quốc tế
41	000041	Trưởng phòng Quản lý nghiên cứu & Phát triển quốc tế	Phòng Quản lý nghiên cứu & Phát triển quốc tế	Quyền hạn Quản lý nghiên cứu & Phát triển quốc tế
42	000042	Trưởng phòng Quản lý đào tạo quốc tế	Phòng Quản lý đào tạo quốc tế	Quyền hạn Quản lý đào tạo quốc tế
43	000043	Trưởng phòng Quản lý tiếp thị quốc tế	Phòng Quản lý tiếp thị quốc tế	Quyền hạn Quản lý tiếp thị quốc tế
44	000044	Trưởng phòng Quản lý logistics quốc tế	Phòng Quản lý logistics quốc tế	Quyền hạn Quản lý logistics quốc tế
45	000045	Trưởng phòng Quản lý chuỗi cung ứng quốc tế	Phòng Quản lý chuỗi cung ứng quốc tế	Quyền hạn Quản lý chuỗi cung ứng quốc tế
46	000046	Trưởng phòng Quản lý kinh doanh quốc tế	Phòng Quản lý kinh doanh quốc tế	Quyền hạn Quản lý kinh doanh quốc tế
47	000047	Trưởng phòng Quản lý kỹ thuật phần mềm quốc tế	Phòng Quản lý kỹ thuật phần mềm quốc tế	Quyền hạn Quản lý kỹ thuật phần mềm quốc tế
48	000048	Trưởng phòng Quản lý dự án quốc tế	Phòng Quản lý dự án quốc tế	Quyền hạn Quản lý dự án quốc tế
49	000049	Trưởng phòng Quản lý bảo trì quốc tế	Phòng Quản lý bảo trì quốc tế	Quyền hạn Quản lý bảo trì quốc tế
50	000050	Trưởng phòng Quản lý kiểm soát chất lượng quốc tế	Phòng Quản lý kiểm soát chất lượng quốc tế	Quyền hạn Quản lý kiểm soát chất lượng quốc tế
51	000051	Trưởng phòng Quản lý rủi ro quốc tế	Phòng Quản lý rủi ro quốc tế	Quyền hạn Quản lý rủi ro quốc tế
52	000052	Trưởng phòng Quản lý nghiên cứu & Phát triển quốc tế	Phòng Quản lý nghiên cứu & Phát triển quốc tế	Quyền hạn Quản lý nghiên cứu & Phát triển quốc tế
53	000053	Trưởng phòng Quản lý đào tạo quốc tế	Phòng Quản lý đào tạo quốc tế	Quyền hạn Quản lý đào tạo quốc tế
54	000054	Trưởng phòng Quản lý tiếp thị quốc tế	Phòng Quản lý tiếp thị quốc tế	Quyền hạn Quản lý tiếp thị quốc tế
55	000055	Trưởng phòng Quản lý logistics quốc tế	Phòng Quản lý logistics quốc tế	Quyền hạn Quản lý logistics quốc tế
56	000056	Trưởng phòng Quản lý chuỗi cung ứng quốc tế	Phòng Quản lý chuỗi cung ứng quốc tế	Quyền hạn Quản lý chuỗi cung ứng quốc tế
57	000057	Trưởng phòng Quản lý kinh doanh quốc tế	Phòng Quản lý kinh doanh quốc tế	Quyền hạn Quản lý kinh doanh quốc tế
58	000058	Trưởng phòng Quản lý kỹ thuật phần mềm quốc tế	Phòng Quản lý kỹ thuật phần mềm quốc tế	Quyền hạn Quản lý kỹ thuật phần mềm quốc tế
59	000059	Trưởng phòng Quản lý dự án quốc tế	Phòng Quản lý dự án quốc tế	Quyền hạn Quản lý dự án quốc tế
60	000060	Trưởng phòng Quản lý bảo trì quốc tế	Phòng Quản lý bảo trì quốc tế	Quyền hạn Quản lý bảo trì quốc tế
61	000061	Trưởng phòng Quản lý kiểm soát chất lượng quốc tế	Phòng Quản lý kiểm soát chất lượng quốc tế	Quyền hạn Quản lý kiểm soát chất lượng quốc tế
62	000062	Trưởng phòng Quản lý rủi ro quốc tế	Phòng Quản lý rủi ro quốc tế	Quyền hạn Quản lý rủi ro quốc tế
63	000063	Trưởng phòng Quản lý nghiên cứu & Phát triển quốc tế	Phòng Quản lý nghiên cứu & Phát triển quốc tế	Quyền hạn Quản lý nghiên cứu & Phát triển quốc tế
64	000064	Trưởng phòng Quản lý đào tạo quốc tế	Phòng Quản lý đào tạo quốc tế	Quyền hạn Quản lý đào tạo quốc tế
65	000065	Trưởng phòng Quản lý tiếp thị quốc tế	Phòng Quản lý tiếp thị quốc tế	Quyền hạn Quản lý tiếp thị quốc tế
66	000066	Trưởng phòng Quản lý logistics quốc tế	Phòng Quản lý logistics quốc tế	Quyền hạn Quản lý logistics quốc tế
67	000067	Trưởng phòng Quản lý chuỗi cung ứng quốc tế	Phòng Quản lý chuỗi cung ứng quốc tế	Quyền hạn Quản lý chuỗi cung ứng quốc tế
68	000068	Trưởng phòng Quản lý kinh doanh quốc tế	Phòng Quản lý kinh doanh quốc tế	Quyền hạn Quản lý kinh doanh quốc tế
69	000069	Trưởng phòng Quản lý kỹ thuật phần mềm quốc tế	Phòng Quản lý kỹ thuật phần mềm quốc tế	Quyền hạn Quản lý kỹ thuật phần mềm quốc tế
70	000070	Trưởng phòng Quản lý dự án quốc tế	Phòng Quản lý dự án quốc tế	Quyền hạn Quản lý dự án quốc tế
71	000071	Trưởng phòng Quản lý bảo trì quốc tế	Phòng Quản lý bảo trì quốc tế	Quyền hạn Quản lý bảo trì quốc tế
72	000072	Trưởng phòng Quản lý kiểm soát chất lượng quốc tế	Phòng Quản lý kiểm soát chất lượng quốc tế	Quyền hạn Quản lý kiểm soát chất lượng quốc tế
73	000073	Trưởng phòng Quản lý rủi ro quốc tế	Phòng Quản lý rủi ro quốc tế	Quyền hạn Quản lý rủi ro quốc tế
74	000074	Trưởng phòng Quản lý nghiên cứu & Phát triển quốc tế	Phòng Quản lý nghiên cứu & Phát triển quốc tế	Quyền hạn Quản lý nghiên cứu & Phát triển quốc tế
75	000075	Trưởng phòng Quản lý đào tạo quốc tế	Phòng Quản lý đào tạo quốc tế	Quyền hạn Quản lý đào tạo quốc tế
76	000076	Trưởng phòng Quản lý tiếp thị quốc tế	Phòng Quản lý tiếp thị quốc tế	Quyền hạn Quản lý tiếp thị quốc tế
77	000077	Trưởng phòng Quản lý logistics quốc tế	Phòng Quản lý logistics quốc tế	Quyền hạn Quản lý logistics quốc tế
78	000078	Trưởng phòng Quản lý chuỗi cung ứng quốc tế	Phòng Quản lý chuỗi cung ứng quốc tế	Quyền hạn Quản lý chuỗi cung ứng quốc tế
79	000079	Trưởng phòng Quản lý kinh doanh quốc tế	Phòng Quản lý kinh doanh quốc tế	Quyền hạn Quản lý kinh doanh quốc tế
80	000080	Trưởng phòng Quản lý kỹ thuật phần mềm quốc tế	Phòng Quản lý kỹ thuật phần mềm quốc tế	Quyền hạn Quản lý kỹ thuật phần mềm quốc tế
81	000081	Trưởng phòng Quản lý dự án quốc tế	Phòng Quản lý dự án quốc tế	Quyền hạn Quản lý dự án quốc tế
82	000082	Trưởng phòng Quản lý bảo trì quốc tế	Phòng Quản lý bảo trì quốc tế	Quyền hạn Quản lý bảo trì quốc tế
83	000083	Trưởng phòng Quản lý kiểm soát chất lượng quốc tế	Phòng Quản lý kiểm soát chất lượng quốc tế	Quyền hạn Quản lý kiểm soát chất lượng quốc tế
84	000084	Trưởng phòng Quản lý rủi ro quốc tế	Phòng Quản lý rủi ro quốc tế	Quyền hạn Quản lý rủi ro quốc tế
85	000085	Trưởng phòng Quản lý nghiên cứu & Phát triển quốc tế	Phòng Quản lý nghiên cứu & Phát triển quốc tế	Quyền hạn Quản lý nghiên cứu & Phát triển quốc tế
86	000086	Trưởng phòng Quản lý đào tạo quốc tế	Phòng Quản lý đào tạo quốc tế	Quyền hạn Quản lý đào tạo quốc tế
87	000087	Trưởng phòng Quản lý tiếp thị quốc tế	Phòng Quản lý tiếp thị quốc tế	Quyền hạn Quản lý tiếp thị quốc tế
88	000088	Trưởng phòng Quản lý logistics quốc tế	Phòng Quản lý logistics quốc tế	Quyền hạn Quản lý logistics quốc tế
89	000089	Trưởng phòng Quản lý chuỗi cung ứng quốc tế	Phòng Quản lý chuỗi cung ứng quốc tế	Quyền hạn Quản lý chuỗi cung ứng quốc tế
90	000090	Trưởng phòng Quản lý kinh doanh quốc tế	Phòng Quản lý kinh doanh quốc tế	Quyền hạn Quản lý kinh doanh quốc tế
91	000091	Trưởng phòng Quản lý kỹ thuật phần mềm quốc tế	Phòng Quản lý kỹ thuật phần mềm quốc tế	Quyền hạn Quản lý kỹ thuật phần mềm quốc tế
92	000092	Trưởng phòng Quản lý dự án quốc tế	Phòng Quản lý dự án quốc tế	Quyền hạn Quản lý dự án quốc tế
93	000093	Trưởng phòng Quản lý bảo trì quốc tế	Phòng Quản lý bảo trì quốc tế	Quyền hạn Quản lý bảo trì quốc tế
94	000094	Trưởng phòng Quản lý kiểm soát chất lượng quốc tế	Phòng Quản lý kiểm soát chất lượng quốc tế	Quyền hạn Quản lý kiểm soát chất lượng quốc tế
95	000095	Trưởng phòng Quản lý rủi ro quốc tế	Phòng Quản lý rủi ro quốc tế	Quyền hạn Quản lý rủi ro quốc tế
96	000096	Trưởng phòng Quản lý nghiên cứu & Phát triển quốc tế	Phòng Quản lý nghiên cứu & Phát triển quốc tế	Quyền hạn Quản lý nghiên cứu & Phát triển quốc tế
97	000097	Trưởng phòng Quản lý đào tạo quốc tế	Phòng Quản lý đào tạo quốc tế	Quyền hạn Quản lý đào tạo quốc tế
98	000098	Trưởng phòng Quản lý tiếp thị quốc tế	Phòng Quản lý tiếp thị quốc tế	Quyền hạn Quản lý tiếp thị quốc tế
99	000099	Trưởng phòng Quản lý logistics quốc tế	Phòng Quản lý logistics quốc tế	Quyền hạn Quản lý logistics quốc tế
100	000100	Trưởng phòng Quản lý chuỗi cung ứng quốc tế	Phòng Quản lý chuỗi cung ứng quốc tế	Quyền hạn Quản lý chuỗi cung ứng quốc tế

[illegible]

No	Waktu	Nama Lokasi (Tempat)	Alamat	Keberadaan
125	06:00-07:00	Tempat 1 (Gedung Kantor)	Jalan Mayor	Ada, Hutan 10
126	07:00-08:00	Tempat 2 (Gedung Kantor)	Jl. Jend. Sudirman No. 10	Ada, Hutan 10
127	08:00-09:00	Tempat 3 (Gedung Kantor)	Jl. Mayor	Ada, Hutan 10
128	09:00-10:00	Tempat 4 (Gedung Kantor)	Jl. Mayor	Ada, Hutan 10
129	10:00-11:00	Tempat 5 (Gedung Kantor)	Jl. Mayor	Ada, Hutan 10
130	11:00-12:00	Tempat 6 (Gedung Kantor)	Jl. Mayor	Ada, Hutan 10
131	12:00-13:00	Tempat 7 (Gedung Kantor)	Jl. Mayor	Ada, Hutan 10
132	13:00-14:00	Tempat 8 (Gedung Kantor)	Jl. Mayor	Ada, Hutan 10
133	14:00-15:00	Tempat 9 (Gedung Kantor)	Jl. Mayor	Ada, Hutan 10
134	15:00-16:00	Tempat 10 (Gedung Kantor)	Jl. Mayor	Ada, Hutan 10
135	16:00-17:00	Tempat 11 (Gedung Kantor)	Jl. Mayor	Ada, Hutan 10
136	17:00-18:00	Tempat 12 (Gedung Kantor)	Jl. Mayor	Ada, Hutan 10
137	18:00-19:00	Tempat 13 (Gedung Kantor)	Jl. Mayor	Ada, Hutan 10
138	19:00-20:00	Tempat 14 (Gedung Kantor)	Jl. Mayor	Ada, Hutan 10
139	20:00-21:00	Tempat 15 (Gedung Kantor)	Jl. Mayor	Ada, Hutan 10
140	21:00-22:00	Tempat 16 (Gedung Kantor)	Jl. Mayor	Ada, Hutan 10
141	22:00-23:00	Tempat 17 (Gedung Kantor)	Jl. Mayor	Ada, Hutan 10
142	23:00-00:00	Tempat 18 (Gedung Kantor)	Jl. Mayor	Ada, Hutan 10
143	00:00-01:00	Tempat 19 (Gedung Kantor)	Jl. Mayor	Ada, Hutan 10
144	01:00-02:00	Tempat 20 (Gedung Kantor)	Jl. Mayor	Ada, Hutan 10
145	02:00-03:00	Tempat 21 (Gedung Kantor)	Jl. Mayor	Ada, Hutan 10
146	03:00-04:00	Tempat 22 (Gedung Kantor)	Jl. Mayor	Ada, Hutan 10
147	04:00-05:00	Tempat 23 (Gedung Kantor)	Jl. Mayor	Ada, Hutan 10
148	05:00-06:00	Tempat 24 (Gedung Kantor)	Jl. Mayor	Ada, Hutan 10
149	06:00-07:00	Tempat 25 (Gedung Kantor)	Jl. Mayor	Ada, Hutan 10
150	07:00-08:00	Tempat 26 (Gedung Kantor)	Jl. Mayor	Ada, Hutan 10
151	08:00-09:00	Tempat 27 (Gedung Kantor)	Jl. Mayor	Ada, Hutan 10
152	09:00-10:00	Tempat 28 (Gedung Kantor)	Jl. Mayor	Ada, Hutan 10
153	10:00-11:00	Tempat 29 (Gedung Kantor)	Jl. Mayor	Ada, Hutan 10
154	11:00-12:00	Tempat 30 (Gedung Kantor)	Jl. Mayor	Ada, Hutan 10
155	12:00-13:00	Tempat 31 (Gedung Kantor)	Jl. Mayor	Ada, Hutan 10
156	13:00-14:00	Tempat 32 (Gedung Kantor)	Jl. Mayor	Ada, Hutan 10
157	14:00-15:00	Tempat 33 (Gedung Kantor)	Jl. Mayor	Ada, Hutan 10
158	15:00-16:00	Tempat 34 (Gedung Kantor)	Jl. Mayor	Ada, Hutan 10
159	16:00-17:00	Tempat 35 (Gedung Kantor)	Jl. Mayor	Ada, Hutan 10
160	17:00-18:00	Tempat 36 (Gedung Kantor)	Jl. Mayor	Ada, Hutan 10
161	18:00-19:00	Tempat 37 (Gedung Kantor)	Jl. Mayor	Ada, Hutan 10
162	19:00-20:00	Tempat 38 (Gedung Kantor)	Jl. Mayor	Ada, Hutan 10
163	20:00-21:00	Tempat 39 (Gedung Kantor)	Jl. Mayor	Ada, Hutan 10
164	21:00-22:00	Tempat 40 (Gedung Kantor)	Jl. Mayor	Ada, Hutan 10
165	22:00-23:00	Tempat 41 (Gedung Kantor)	Jl. Mayor	Ada, Hutan 10
166	23:00-00:00	Tempat 42 (Gedung Kantor)	Jl. Mayor	Ada, Hutan 10
167	00:00-01:00	Tempat 43 (Gedung Kantor)	Jl. Mayor	Ada, Hutan 10
168	01:00-02:00	Tempat 44 (Gedung Kantor)	Jl. Mayor	Ada, Hutan 10
169	02:00-03:00	Tempat 45 (Gedung Kantor)	Jl. Mayor	Ada, Hutan 10
170	03:00-04:00	Tempat 46 (Gedung Kantor)	Jl. Mayor	Ada, Hutan 10
171	04:00-05:00	Tempat 47 (Gedung Kantor)	Jl. Mayor	Ada, Hutan 10
172	05:00-06:00	Tempat 48 (Gedung Kantor)	Jl. Mayor	Ada, Hutan 10
173	06:00-07:00	Tempat 49 (Gedung Kantor)	Jl. Mayor	Ada, Hutan 10
174	07:00-08:00	Tempat 50 (Gedung Kantor)	Jl. Mayor	Ada, Hutan 10
175	08:00-09:00	Tempat 51 (Gedung Kantor)	Jl. Mayor	Ada, Hutan 10
176	09:00-10:00	Tempat 52 (Gedung Kantor)	Jl. Mayor	Ada, Hutan 10
177	10:00-11:00	Tempat 53 (Gedung Kantor)	Jl. Mayor	Ada, Hutan 10
178	11:00-12:00	Tempat 54 (Gedung Kantor)	Jl. Mayor	Ada, Hutan 10
179	12:00-13:00	Tempat 55 (Gedung Kantor)	Jl. Mayor	Ada, Hutan 10
180	13:00-14:00	Tempat 56 (Gedung Kantor)	Jl. Mayor	Ada, Hutan 10
181	14:00-15:00	Tempat 57 (Gedung Kantor)	Jl. Mayor	Ada, Hutan 10
182	15:00-16:00	Tempat 58 (Gedung Kantor)	Jl. Mayor	Ada, Hutan 10
183	16:00-17:00	Tempat 59 (Gedung Kantor)	Jl. Mayor	Ada, Hutan 10
184	17:00-18:00	Tempat 60 (Gedung Kantor)	Jl. Mayor	Ada, Hutan 10
185	18:00-19:00	Tempat 61 (Gedung Kantor)	Jl. Mayor	Ada, Hutan 10
186	19:00-20:00	Tempat 62 (Gedung Kantor)	Jl. Mayor	Ada, Hutan 10
187	20:00-21:00	Tempat 63 (Gedung Kantor)	Jl. Mayor	Ada, Hutan 10
188	21:00-22:00	Tempat 64 (Gedung Kantor)	Jl. Mayor	Ada, Hutan 10
189	22:00-23:00	Tempat 65 (Gedung Kantor)	Jl. Mayor	Ada, Hutan 10
190	23:00-00:00	Tempat 66 (Gedung Kantor)	Jl. Mayor	Ada, Hutan 10
191	00:00-01:00	Tempat 67 (Gedung Kantor)	Jl. Mayor	Ada, Hutan 10
192	01:00-02:00	Tempat 68 (Gedung Kantor)	Jl. Mayor	Ada, Hutan 10
193	02:00-03:00	Tempat 69 (Gedung Kantor)	Jl. Mayor	Ada, Hutan 10
194	03:00-04:00	Tempat 70 (Gedung Kantor)	Jl. Mayor	Ada, Hutan 10
195	04:00-05:00	Tempat 71 (Gedung Kantor)	Jl. Mayor	Ada, Hutan 10
196	05:00-06:00	Tempat 72 (Gedung Kantor)	Jl. Mayor	Ada, Hutan 10
197	06:00-07:00	Tempat 73 (Gedung Kantor)	Jl. Mayor	Ada, Hutan 10
198	07:00-08:00	Tempat 74 (Gedung Kantor)	Jl. Mayor	Ada, Hutan 10
199	08:00-09:00	Tempat 75 (Gedung Kantor)	Jl. Mayor	Ada, Hutan 10
200	09:00-10:00	Tempat 76 (Gedung Kantor)	Jl. Mayor	Ada, Hutan 10

No	Waktu	Daftar Isi (Materi Pokok)	Metode	Kelebihan
101	08.00-09.00	Dasar-dasar Hukum Islam	Penerangan	Menyampaikan materi
102	09.00-10.00	Dasar-dasar Hukum Islam	Penyampaian	Menyampaikan materi
103	10.00-11.00	Dasar-dasar Hukum Islam	Penerangan	Menyampaikan materi
104	11.00-12.00	Dasar-dasar Hukum Islam	Penerangan	Menyampaikan materi
105	12.00-13.00	Dasar-dasar Hukum Islam	Penerangan	Menyampaikan materi
106	13.00-14.00	Dasar-dasar Hukum Islam	Penerangan	Menyampaikan materi
107	14.00-15.00	Dasar-dasar Hukum Islam	Penerangan	Menyampaikan materi
108	15.00-16.00	Dasar-dasar Hukum Islam	Penerangan	Menyampaikan materi
109	16.00-17.00	Dasar-dasar Hukum Islam	Penerangan	Menyampaikan materi
110	17.00-18.00	Dasar-dasar Hukum Islam	Penerangan	Menyampaikan materi
111	18.00-19.00	Dasar-dasar Hukum Islam	Penerangan	Menyampaikan materi
112	19.00-20.00	Dasar-dasar Hukum Islam	Penerangan	Menyampaikan materi
113	20.00-21.00	Dasar-dasar Hukum Islam	Penerangan	Menyampaikan materi
114	21.00-22.00	Dasar-dasar Hukum Islam	Penerangan	Menyampaikan materi
115	22.00-23.00	Dasar-dasar Hukum Islam	Penerangan	Menyampaikan materi
116	23.00-24.00	Dasar-dasar Hukum Islam	Penerangan	Menyampaikan materi
117	24.00-25.00	Dasar-dasar Hukum Islam	Penerangan	Menyampaikan materi
118	25.00-26.00	Dasar-dasar Hukum Islam	Penerangan	Menyampaikan materi
119	26.00-27.00	Dasar-dasar Hukum Islam	Penerangan	Menyampaikan materi
120	27.00-28.00	Dasar-dasar Hukum Islam	Penerangan	Menyampaikan materi
121	28.00-29.00	Dasar-dasar Hukum Islam	Penerangan	Menyampaikan materi
122	29.00-30.00	Dasar-dasar Hukum Islam	Penerangan	Menyampaikan materi
123	30.00-31.00	Dasar-dasar Hukum Islam	Penerangan	Menyampaikan materi
124	31.00-32.00	Dasar-dasar Hukum Islam	Penerangan	Menyampaikan materi
125	32.00-33.00	Dasar-dasar Hukum Islam	Penerangan	Menyampaikan materi
126	33.00-34.00	Dasar-dasar Hukum Islam	Penerangan	Menyampaikan materi
127	34.00-35.00	Dasar-dasar Hukum Islam	Penerangan	Menyampaikan materi
128	35.00-36.00	Dasar-dasar Hukum Islam	Penerangan	Menyampaikan materi
129	36.00-37.00	Dasar-dasar Hukum Islam	Penerangan	Menyampaikan materi
130	37.00-38.00	Dasar-dasar Hukum Islam	Penerangan	Menyampaikan materi
131	38.00-39.00	Dasar-dasar Hukum Islam	Penerangan	Menyampaikan materi
132	39.00-40.00	Dasar-dasar Hukum Islam	Penerangan	Menyampaikan materi
133	40.00-41.00	Dasar-dasar Hukum Islam	Penerangan	Menyampaikan materi
134	41.00-42.00	Dasar-dasar Hukum Islam	Penerangan	Menyampaikan materi
135	42.00-43.00	Dasar-dasar Hukum Islam	Penerangan	Menyampaikan materi
136	43.00-44.00	Dasar-dasar Hukum Islam	Penerangan	Menyampaikan materi
137	44.00-45.00	Dasar-dasar Hukum Islam	Penerangan	Menyampaikan materi
138	45.00-46.00	Dasar-dasar Hukum Islam	Penerangan	Menyampaikan materi
139	46.00-47.00	Dasar-dasar Hukum Islam	Penerangan	Menyampaikan materi
140	47.00-48.00	Dasar-dasar Hukum Islam	Penerangan	Menyampaikan materi



John Wiley & Sons, Inc.

No.	SPIN	News Identity/Headline	Source	Comments
1	120010	SPIN NEWS 1 (SPIN) (SPIN)	SPIN NEWS 1 (SPIN) (SPIN)	SPIN NEWS 1 (SPIN)
2	120010	SPIN NEWS 2 (SPIN) (SPIN)	SPIN NEWS 2 (SPIN)	SPIN NEWS 2 (SPIN)
3	120010	SPIN NEWS 3 (SPIN) (SPIN)	SPIN NEWS 3 (SPIN)	SPIN NEWS 3 (SPIN)
4	120010	SPIN NEWS 4 (SPIN) (SPIN)	SPIN NEWS 4 (SPIN)	SPIN NEWS 4 (SPIN)
5	120010	SPIN NEWS 5 (SPIN) (SPIN)	SPIN NEWS 5 (SPIN)	SPIN NEWS 5 (SPIN)
6	120010	SPIN NEWS 6 (SPIN) (SPIN)	SPIN NEWS 6 (SPIN)	SPIN NEWS 6 (SPIN)
7	120010	SPIN NEWS 7 (SPIN) (SPIN)	SPIN NEWS 7 (SPIN)	SPIN NEWS 7 (SPIN)
8	120010	SPIN NEWS 8 (SPIN) (SPIN)	SPIN NEWS 8 (SPIN)	SPIN NEWS 8 (SPIN)
9	120010	SPIN NEWS 9 (SPIN) (SPIN)	SPIN NEWS 9 (SPIN)	SPIN NEWS 9 (SPIN)
10	120010	SPIN NEWS 10 (SPIN) (SPIN)	SPIN NEWS 10 (SPIN)	SPIN NEWS 10 (SPIN)
11	120010	SPIN NEWS 11 (SPIN) (SPIN)	SPIN NEWS 11 (SPIN)	SPIN NEWS 11 (SPIN)
12	120010	SPIN NEWS 12 (SPIN) (SPIN)	SPIN NEWS 12 (SPIN)	SPIN NEWS 12 (SPIN)
13	120010	SPIN NEWS 13 (SPIN) (SPIN)	SPIN NEWS 13 (SPIN)	SPIN NEWS 13 (SPIN)
14	120010	SPIN NEWS 14 (SPIN) (SPIN)	SPIN NEWS 14 (SPIN)	SPIN NEWS 14 (SPIN)
15	120010	SPIN NEWS 15 (SPIN) (SPIN)	SPIN NEWS 15 (SPIN)	SPIN NEWS 15 (SPIN)
16	120010	SPIN NEWS 16 (SPIN) (SPIN)	SPIN NEWS 16 (SPIN)	SPIN NEWS 16 (SPIN)
17	120010	SPIN NEWS 17 (SPIN) (SPIN)	SPIN NEWS 17 (SPIN)	SPIN NEWS 17 (SPIN)
18	120010	SPIN NEWS 18 (SPIN) (SPIN)	SPIN NEWS 18 (SPIN)	SPIN NEWS 18 (SPIN)
19	120010	SPIN NEWS 19 (SPIN) (SPIN)	SPIN NEWS 19 (SPIN)	SPIN NEWS 19 (SPIN)
20	120010	SPIN NEWS 20 (SPIN) (SPIN)	SPIN NEWS 20 (SPIN)	SPIN NEWS 20 (SPIN)
21	120010	SPIN NEWS 21 (SPIN) (SPIN)	SPIN NEWS 21 (SPIN)	SPIN NEWS 21 (SPIN)
22	120010	SPIN NEWS 22 (SPIN) (SPIN)	SPIN NEWS 22 (SPIN)	SPIN NEWS 22 (SPIN)
23	120010	SPIN NEWS 23 (SPIN) (SPIN)	SPIN NEWS 23 (SPIN)	SPIN NEWS 23 (SPIN)
24	120010	SPIN NEWS 24 (SPIN) (SPIN)	SPIN NEWS 24 (SPIN)	SPIN NEWS 24 (SPIN)
25	120010	SPIN NEWS 25 (SPIN) (SPIN)	SPIN NEWS 25 (SPIN)	SPIN NEWS 25 (SPIN)
26	120010	SPIN NEWS 26 (SPIN) (SPIN)	SPIN NEWS 26 (SPIN)	SPIN NEWS 26 (SPIN)
27	120010	SPIN NEWS 27 (SPIN) (SPIN)	SPIN NEWS 27 (SPIN)	SPIN NEWS 27 (SPIN)
28	120010	SPIN NEWS 28 (SPIN) (SPIN)	SPIN NEWS 28 (SPIN)	SPIN NEWS 28 (SPIN)
29	120010	SPIN NEWS 29 (SPIN) (SPIN)	SPIN NEWS 29 (SPIN)	SPIN NEWS 29 (SPIN)
30	120010	SPIN NEWS 30 (SPIN) (SPIN)	SPIN NEWS 30 (SPIN)	SPIN NEWS 30 (SPIN)
31	120010	SPIN NEWS 31 (SPIN) (SPIN)	SPIN NEWS 31 (SPIN)	SPIN NEWS 31 (SPIN)
32	120010	SPIN NEWS 32 (SPIN) (SPIN)	SPIN NEWS 32 (SPIN)	SPIN NEWS 32 (SPIN)
33	120010	SPIN NEWS 33 (SPIN) (SPIN)	SPIN NEWS 33 (SPIN)	SPIN NEWS 33 (SPIN)
34	120010	SPIN NEWS 34 (SPIN) (SPIN)	SPIN NEWS 34 (SPIN)	SPIN NEWS 34 (SPIN)
35	120010	SPIN NEWS 35 (SPIN) (SPIN)	SPIN NEWS 35 (SPIN)	SPIN NEWS 35 (SPIN)
36	120010	SPIN NEWS 36 (SPIN) (SPIN)	SPIN NEWS 36 (SPIN)	SPIN NEWS 36 (SPIN)
37	120010	SPIN NEWS 37 (SPIN) (SPIN)	SPIN NEWS 37 (SPIN)	SPIN NEWS 37 (SPIN)
38	120010	SPIN NEWS 38 (SPIN) (SPIN)	SPIN NEWS 38 (SPIN)	SPIN NEWS 38 (SPIN)
39	120010	SPIN NEWS 39 (SPIN) (SPIN)	SPIN NEWS 39 (SPIN)	SPIN NEWS 39 (SPIN)
40	120010	SPIN NEWS 40 (SPIN) (SPIN)	SPIN NEWS 40 (SPIN)	SPIN NEWS 40 (SPIN)
41	120010	SPIN NEWS 41 (SPIN) (SPIN)	SPIN NEWS 41 (SPIN)	SPIN NEWS 41 (SPIN)
42	120010	SPIN NEWS 42 (SPIN) (SPIN)	SPIN NEWS 42 (SPIN)	SPIN NEWS 42 (SPIN)
43	120010	SPIN NEWS 43 (SPIN) (SPIN)	SPIN NEWS 43 (SPIN)	SPIN NEWS 43 (SPIN)
44	120010	SPIN NEWS 44 (SPIN) (SPIN)	SPIN NEWS 44 (SPIN)	SPIN NEWS 44 (SPIN)
45	120010	SPIN NEWS 45 (SPIN) (SPIN)	SPIN NEWS 45 (SPIN)	SPIN NEWS 45 (SPIN)
46	120010	SPIN NEWS 46 (SPIN) (SPIN)	SPIN NEWS 46 (SPIN)	SPIN NEWS 46 (SPIN)
47	120010	SPIN NEWS 47 (SPIN) (SPIN)	SPIN NEWS 47 (SPIN)	SPIN NEWS 47 (SPIN)
48	120010	SPIN NEWS 48 (SPIN) (SPIN)	SPIN NEWS 48 (SPIN)	SPIN NEWS 48 (SPIN)
49	120010	SPIN NEWS 49 (SPIN) (SPIN)	SPIN NEWS 49 (SPIN)	SPIN NEWS 49 (SPIN)
50	120010	SPIN NEWS 50 (SPIN) (SPIN)	SPIN NEWS 50 (SPIN)	SPIN NEWS 50 (SPIN)

